guān bì

关闭

Verb · to close; to shut

Example Sentences

qǐng guān bì mén
请 关 闭 门 。

Please close the door.

nǐ néng gào sù wǒ wèi shén me xì tǒng tū rán guān bì le ma
你 能 告 诉 我 为 什 么 系 统 突 然 关 闭 了 吗？

Can you tell me why the system suddenly shut down?

zhè jiā shāng diàn yīn wèi zhuāng xiū zàn shí guān bì le
这 家 商 店 因 为 装 修 暂 时 关 闭 了 。

This store is temporarily closed due to renovation.

Trace each character, then write the word on your own.